

Số: **2320** /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày **31** tháng **8** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại quốc tế và lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021 của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát, đơn giản hóa 02 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại quốc tế và lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Công Thương gửi báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính kèm theo kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính về Bộ Công Thương theo quy định.

Điều 3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các sở, ngành và đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PVP Trần Văn Toàn,
P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Hiếu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Dũng

Phụ lục kèm theo

Kết quả rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại quốc tế và lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương tỉnh Tiền Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

I. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

1. Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động - 2.000662

1.1. Nội dung đơn giản hóa

Đề nghị xem xét, phân cấp thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương nơi cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động; đồng thời rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (Nghị định số 09/2018/NĐ-CP) quy định về trình tự của thủ tục cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động quy định:

“a) Hồ sơ 02 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Bộ Công Thương trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung thay đổi;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

c) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét và gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp Giấy phép nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động;

d) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và đánh giá hồ sơ và địa điểm đặt cơ sở bán lẻ để có văn bản gửi Bộ Công Thương đề xuất cấp phép, trường hợp đề xuất không cấp phép phải có văn bản trả lời Bộ Công Thương và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép, Bộ Công Thương căn cứ vào ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp Giấy phép và nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định này để có văn bản chấp thuận, trường hợp từ chối phải có văn bản nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Cơ quan Cấp Giấy phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.



Việc quy định nộp hồ sơ tại Bộ Công Thương, sau đó Bộ Công Thương xem xét gửi hồ sơ tới Cơ quan cấp phép nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động để kiểm tra, đánh giá hồ sơ (điểm c, khoản 2), có văn bản đề xuất Bộ Công Thương việc cấp phép hoặc không cấp phép (điểm d, khoản 2); căn cứ ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp phép, Bộ Công Thương lại xem xét, có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận (điểm đ, khoản 2), khi có văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương cơ quan cấp phép cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (điểm e, khoản 2) làm kéo dài thời gian cấp Giấy phép và làm tăng chi phí tuân thủ TTHC, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt nam trong việc xin cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động.

1.2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị xem xét, phân cấp thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương nơi cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động (*bãi bỏ điểm c, khoản 2 Điều 38 của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP*); đồng thời sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP như sau:

“a) Hồ sơ 02 bộ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc qua mạng điện tử (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Cơ quan cấp Giấy phép nơi có cơ sở bán lẻ đề nghị được tiếp tục hoạt động trong vòng 30 ngày kể từ ngày có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ghi nhận nội dung thay đổi;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Công Thương kiểm tra và yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ chưa đủ và hợp lệ;

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ và hợp lệ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và đánh giá hồ sơ và địa điểm đặt cơ sở bán lẻ: trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép có văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp đáp ứng đủ điều kiện, Cơ quan cấp Giấy phép gửi hồ sơ kèm văn bản lấy ý kiến Bộ Công Thương (Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

d) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Sở Công Thương, Bộ Công Thương căn cứ vào ý kiến đề xuất của Cơ quan cấp Giấy phép và nội dung tương ứng quy định tại Điều 25 Nghị định này để có văn bản chấp thuận, trường hợp từ chối phải có văn bản nêu rõ lý do (Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Bộ Công Thương, Sở Công Thương cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Rút ngắn thời hạn giải quyết TTHC được 15 ngày;
- Giảm chi phí tuân thủ TTHC, tạo sự thống nhất giữa cơ quan quản lý nhà nước và thương nhân trong việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

** Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.*

II. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

1. Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương - 2.001624

1.1. Nội dung đơn giản hóa

- Về điều kiện cấp Giấy phép bán buôn rượu:

Đề nghị bổ sung quy định đối tượng được cấp Giấy phép bán buôn rượu là Chi nhánh của doanh nghiệp.

Lý do: theo khoản 10 Điều 4 và khoản 1, Điều 44 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh; Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp, bao gồm cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp”.

Tại khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (Nghị định số 105/2017/NĐ-CP) quy định: “**Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật**”.

Căn cứ quy định pháp luật nêu trên thì Chi nhánh không được cấp Giấy phép bán buôn rượu, điều này dẫn đến khó khăn cho các doanh nghiệp vì thực tế các Chi nhánh có nhu cầu được Giấy phép bán buôn rượu để kinh doanh (như: hệ thống Chi nhánh của Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh; ...).

- Về thành phần hồ sơ:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (đã được sửa đổi theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) như sau: “a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu”.

Lý do: tại khoản 5, Điều 22 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP quy định về thành phần hồ sơ: “Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn của các thương nhân bán lẻ; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của các thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn của doanh nghiệp xin cấp phép” (đã được sửa đổi tại khoản 17 Điều 16 Nghị định 17/2020/NĐ-CP) thành: “5. Tài liệu về hệ thống bán buôn rượu gồm một trong hai loại sau: a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu kèm bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu; b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu”).

Theo quy định tại khoản 5 Điều 22 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP (đã được sửa đổi tại điểm a nêu trên) dẫn đến hiểu thành phần hồ sơ theo 02 cách:

+ Cách thứ nhất, thành phần hồ sơ gồm: 1) bản sao hợp đồng nguyên tắc; 2) thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống; 3) bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu (03 tài liệu)

+ Cách thứ hai, thành phần hồ sơ gồm: 1) bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống; 2) bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu (02 tài liệu).

- Về biểu mẫu:

Đề nghị hướng dẫn biểu mẫu hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận tham gia hệ thống bán buôn rượu, bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu.

Lý do: Nghị định số 105/2017/NĐ-CP không có hướng dẫn mẫu hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận tham gia hệ thống bán buôn rượu, bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu gây lúng túng cho cả thương nhân khi chuẩn bị hồ sơ và cơ quan quản lý khi hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

1.2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện cấp Giấy phép bán buôn rượu tại khoản 1, Điều 12 của Nghị định số 105/2017/NĐ-CP như sau: *“Là doanh nghiệp hoặc Chi nhánh của doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật”*.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thành phần hồ sơ tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP *(đã được sửa đổi theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP)* như sau: *“a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc hoặc thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu; bản sao Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống bán buôn rượu”*.

- Bổ sung các mẫu hướng dẫn: hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận tham gia hệ thống bán buôn rượu, bản cam kết tham gia hệ thống bán buôn rượu.

1.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Đáp ứng yêu cầu được kinh doanh bán buôn rượu của các Chi nhánh thuộc doanh nghiệp; thống nhất việc cấp Giấy phép bán buôn rượu cho Chi nhánh thuộc doanh nghiệp của các tỉnh (thực tế tham khảo với quy định hiện nay có tỉnh cấp cho Chi nhánh và cũng có tỉnh không cấp Giấy phép bán buôn rượu cho Chi nhánh, điều này không thống nhất giữa các tỉnh).

- Thống nhất cách hiểu về thành phần hồ sơ, tránh tình trạng tranh cãi khi cơ quan quản lý nhà nước và thương nhân có cách hiểu khác nhau.

- Việc bổ sung các biểu mẫu hướng dẫn giúp thương nhân dễ dàng thực hiện và tiết kiệm thời gian khi chuẩn bị các thành phần hồ sơ, giúp cơ quan quản lý nhà nước thuận tiện trong việc hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ.

* Nội dung đơn giản hóa không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.